

Số: /GPMT-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 01/2025/CV-KSYB ngày 21/2/2025 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển ANNAM;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 77/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển ANNAM (địa chỉ: phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Khách sạn Yên Biên thành phố Hà Giang tại phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khách sạn Yên Biên, thành phố Hà Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5701016529 do Sở Tài Chính tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/6/2025.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0704541160 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 08/6/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 12/3/2020.

1.4. Mã số thuế: 5701016529.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khách sạn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Khách sạn Yên Biên thành phố Hà Giang được thực hiện trên tổng diện tích đất là 3.703,1 m² tại phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

- Nhóm dự án (*phân loại theo tiêu chí Luật Đầu tư công*): Cơ sở có tiêu chí như Dự án nhóm B.

- Cơ sở thuộc nhóm III theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*).

- Các hạng mục chính của Khách sạn Yên Biên thành phố Hà Giang, gồm: 125 phòng nghỉ; khối công cộng (phòng hội nghị, nhà hàng, phòng karaoke, phòng tập thể dục, khu massage-Stream bath và bể bơi) và khối hành chính.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển ANNAM được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển ANNAM có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành (*quy định tại điểm c khoản 4 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường*).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Hà Giang 1 tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (02 bản chính);
- Sở Xây dựng;
- UBND phường Hà Giang 1;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển ANNAM;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục 1:**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Các nguồn phát sinh nước thải tại cơ sở gồm:

- Nguồn số 1: Nước thải đen phát sinh từ khu vệ sinh.
- Nguồn số 2: Nước thải xám phát sinh từ khu vệ sinh.
- Nguồn số 3: Nước thải nấu ăn phát sinh từ khu nhà bếp.
- Nguồn số 4: Nước thải giặt là phát sinh từ khu giặt là.
- Nguồn số 5: Nước thải xả đáy phát sinh từ bể bơi.
- Nguồn số 6: Nước thải phát sinh từ bể chứa hải sản.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau bể xử lý nước thải hợp khối của cơ sở.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Lô đoạn chảy qua phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

2.2 Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau bể xử lý nước thải hợp khối chảy vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°

$$X = 2525561; \quad Y = 446753$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường

a) Kể từ khi cấp phép đến hết ngày 31/12/2031: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN14:2008/B TNMT, cột B, K=1)	Tần suất quan trắc định kỳ/Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000	
5	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	4,0	
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	10	
7	NO ₃ ⁻	mg/l	50	
8	PO ₄ ³⁻	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

b) Kể từ ngày 01/01/2032 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2025/BTNMT, cột B, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN14:2025/B TNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ/Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	Không phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤40	
3	COD	mg/l	≤ 90	
	Hoặc TOC	mg/l	≤ 45	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60	
5	Amoni (tính theo NH ₄ ⁺)	mg/l	≤ 8,0	
6	Tổng Nitơ (T- N)	mg/l	≤ 30	
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 6	
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	≤5.000	
9	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤ 15	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5,0	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở:

Hệ thống thoát nước thải từ các bồn xí tiểu khu nhà vệ sinh các tầng, nước thải rửa từ các phễu thu sàn, chậu rửa khu nhà vệ sinh, nước thải khu bếp được thoát theo các hệ thống riêng biệt như sau:

- Nước thải rửa, tắm: Nước thải thoát từ các chậu rửa và các phễu thu sàn nhà vệ sinh khu khách sạn được thu gom vào ống nhánh ngang Ø60, Ø90 của mỗi tầng rồi thoát vào hệ thống ống đứng đặt trong hộp kỹ thuật dọc từ tầng 12A xuống tầng 1, tại tầng 1 nước thải theo đường ống thoát nước Ø220 tới bể xử lý nước thải hợp khối được đặt ngầm (tại vị trí giữa phía sau khách sạn và gần kho CTNH) để tiếp tục xử lý. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 161m.

- Nước thải đen: Nước thải thoát từ các bồn xí tiểu khu nhà vệ sinh khu khách sạn được thu gom vào ống nhánh ngang Ø114 của mỗi tầng rồi thoát vào hệ thống ống đứng đặt trong hộp kỹ thuật dọc từ tầng 12A xuống tầng 1, tại tầng 1 nước thải theo đường ống ngang Ø300 dẫn vào bể tự hoại, sau đó nước thải được bơm bằng máy bơm tự động 8m³/h tới bể xử lý nước thải hợp khối được đặt ngầm bằng đường ống Ø150 để tiếp tục xử lý. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 161m.

- Nước thải khu bếp: Nước thải phát sinh từ các chậu rửa của khu vực bếp được thu gom theo đường ống Ø110 dẫn chảy vào bể tách mỡ để xử lý sơ bộ rồi theo đường ống Ø160 chảy về bể xử lý nước thải hợp khối được đặt ngầm để tiếp tục xử lý. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 32m.

- Nước thải giặt là: Nước thải phát sinh từ khu vực giặt là được thu gom theo đường ống Ø110 dẫn về bể xử lý nước thải hợp khối để xử lý. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 142m.

- Nước thải bể bơi: Nước thải bể bơi cơ sở xử lý là nước xả đáy của bể bơi được thu gom theo đường ống Ø90 dẫn về bể xử lý nước thải hợp khối để xử lý. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 97m.

- Nước thải bể chứa hải sản: Nước thải phát sinh từ bể chứa hải sản được thu gom theo đường ống Ø110 dẫn về bể xử lý nước thải hợp khối để xử lý. Chiều dài tuyến thu gom, thoát nước thải này khoảng 75m.

1.2. Công trình xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn

- Số lượng: 01 bể

- Quy trình công nghệ: Bể được thiết kế gồm 3 ngăn: ngăn chứa, ngăn lắng và ngăn lọc. Quy trình vận hành như sau:

Nước thải được đưa vào ngăn chứa của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Nhờ

các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, đồng thời, cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám và sinh trưởng trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn cản lơ lửng trôi ra theo nước. Tại ngăn này có bố trí 01 máy bơm chìm 8 m³/h để hút nước thải sau lắng và phân huỷ sơ bộ ra ngoài. Khi lượng nước thải tăng lên, mực nước trong bể dâng lên đạt đến mức rơi le phao đóng tiếp điểm máy bơm làm việc hoạt động hút nước và đẩy qua đường ống chảy tới bể xử lý hợp khối. Khi lượng nước bơm ra làm mực nước trong bể hạ xuống đến mức rơi le phao mở tiếp điểm bơm ngừng hoạt động. Chu trình lặp lại khi nước tiếp tục dâng lên.

Định kỳ 06 tháng/lần bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình. Bùn thải phát sinh trong bể tự hoại, bể xử lý nước thải định kỳ được công ty hợp đồng với đơn vị dịch vụ có chức năng xử lý theo quy định.

- Dung tích bể tự hoại: 70,4 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Liều lượng chế phẩm vi sinh (Microbe-lift IND) cung cấp: 1,5 kg/tháng

1.2.2. Công trình xử lý nước thải bể tách mỡ

- Số lượng: 01

- Quy trình, công nghệ: Bể tách mỡ có nhiệm vụ xử lý sơ bộ nguồn nước thải trước khi vào bể xử lý nước thải hợp khối. Nước thải đi vào bể qua giỏ chắn rác để loại bỏ bớt các cặn, rác thô sau đó đi qua vách phân phối nước, nước chuyển động đều dọc theo vùng lắng đi vào vùng thu nước đặt ở cuối bể. Trong quá trình nước chuyển động dọc theo chiều dài của bể sẽ xảy ra 2 quá trình:

- + Các chất nổi như bọt váng, dầu mỡ sẽ nổi lên trên bề mặt của bể và được thu vớt ra ngoài. Dầu mỡ và các chất nổi này sau khi thu gom sẽ được bơm hút đi xử lý hợp vệ sinh theo định kỳ.

- + Các chất rắn như cát, cặn thô, các chất có tỷ trọng lớn chưa được loại bỏ qua giỏ chắn rác sẽ dễ dàng lắng xuống đáy bể và những cặn này sẽ được hút định kỳ.

Nước thải sau xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ được đầu nối vào đường ống thu gom nước thải và tự chảy về bể xử lý nước thải hợp khối của Cơ sở để tiếp tục xử lý.

- Dung tích của bể: 8,5 m³

1.2.3. Công trình xử lý nước thải bể hợp khối

- Số lượng: 01

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc → khử trùng (giỏ chứa hoá chất khử trùng đặt tại đường ống thoát nước) → xả ra đường ống thoát nước.

- Công suất xử lý: 150 m³/ngày.đêm.

- Quy chuẩn so sánh, đánh giá:

+ Đến 31/12/2031: QCVN14:2008/BTNMT, cột B, K=1

+ Từ 01/01/2032 đến khi hết thời hạn giấy phép: QCVN14:2025/BTNMT, cột B

1.2.4. Hệ thống lọc tuần hoàn nước bể bơi

Quy trình vận hành xử lý nước bể bơi như sau: Sau khi nước được cấp đầy vào bể, bắt đầu vận hành hệ thống lọc nước; Bơm lọc sẽ hút nước từ 2 đường, một đường hút từ thu nước đáy đặt tại khu vực sâu nhất của bể, đường còn lại được hút từ bể cân bằng. Sau đó, nước được bơm lọc đẩy qua bình lọc cát, tại đây, các cặn bẩn được lớp cát lọc của bình lọc giữ lại, nước sạch theo hệ đường ống cấp nước trở về bể thông qua các đầu cấp nước đặt tại thành bể. Trên đường trở về bể bơi, nước sạch sẽ chạy qua hệ thống khử trùng. Sau đó, nước lại được tràn qua máng tràn, tự chảy về bể cân bằng bắt đầu một vòng tuần hoàn lọc tiếp theo. Trong quá trình vận hành, bể bơi được lọc tuần hoàn liên tục lượng nước trong bể và được bổ sung lượng nước bốc hơi mỗi ngày khoảng $27,3\text{m}^3$ (tính 10% lượng nước bể bơi). Định kỳ 03 tháng/lần, Cơ sở sẽ xả đáy nước bể bơi, lượng nước xả đáy tính toán khoảng $36,5\text{m}^3$ (tính lượng nước từ đáy bể đến khoảng 10cm chiều cao bể bơi).

1.2.5. Hệ thống lọc tuần hoàn nước bể hải sản

Quy trình công nghệ: Nước trong bể được lọc tuần hoàn liên tục qua các bể lọc bằng các vật liệu lọc (san hô, túi lọc, bông lọc, cát sò). Định kỳ 03 tháng/lần sẽ thay thế toàn bộ nước biển tại bể hải sản. Nước bị thay thế này được coi là nước thải ($1,5\text{m}^3$) và được dẫn theo đường ống tới bể xử lý nước thải hợp khối của Khách sạn để xử lý cùng nước thải sinh hoạt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Điểm xả nước thải ra môi trường phải theo quy định tại Phần A Phụ lục này, có biển báo, ký hiệu rõ ràng.

3.3. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển ANNAM chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu quy định tại Mục 2 Phần A của Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

Phụ lục 2:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Khu vực đặt máy phát điện dự phòng thuộc khách sạn Yên Biên tại phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

$$X = 2525515; \quad Y = 446801.$$

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

a) Kể từ khi cấp phép đến hết ngày 31/12/2026

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể:

- Giới hạn đối với tiếng ồn của cơ sở:

STT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 26:2010/BTNMT, đơn vị dBA	
		Từ 6h00 - 21h00	Từ 21h00 - 6h00
1	Khu vực thông thường	70	55

- Giới hạn đối với độ rung của cơ sở:

STT	Khu vực	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 27:2010/BTNMT, đơn vị dB	
		Từ 6h00 - 21h00	Từ 21h00 - 6h00
1	Khu vực thông thường	70	60

b) Kể từ ngày 01/01/2027 đến khi hết thời hạn của Giấy phép môi trường:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2025/BNNMT, Quy chuẩn Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2025/BNNMT, cụ thể:

- Giới hạn đối với tiếng ồn của cơ sở

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 26:2025/BNNT, đơn vị dBA		
		Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
1	Khu vực A (các khu vực cơ sở giáo dục nghề nghiệp)	50	45	40
2	Khu vực B (các khu vực nhà ở)	55	50	45
3	Khu vực E (các khu vực công trình công nghiệp và các công trình khác)	70	65	60

- Giới hạn đối với độ rung của cơ sở:

STT	Khu vực bị ảnh hưởng	Giá trị giới hạn theo quy chuẩn quy định QCVN 27:2025/BNNT, đơn vị dB	
		Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)
1	Khu vực A (các khu vực cơ sở giáo dục nghề nghiệp)	60	55
2	Khu vực B (các khu vực nhà ở)	65	60
3	Khu vực D (các khu vực công trình công nghiệp và các công trình khác)	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị của cơ sở để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	25
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	20
Tổng				45

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 145 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 02 thùng chứa dung tích 120 lít các thùng chứa có nắp đậy kín không rò rỉ, không phát tán ra môi trường, dán nhãn mác lên thùng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 7,5 m².
- Kho được xây dựng nền gạch men kết hợp xi măng chống thấm, tường gạch sơn trắng, mái tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chủ cơ sở bố trí khoảng 300 thùng chứa rác nhỏ loại 5 lít có nắp đậy, mỗi phòng nghỉ bố trí 02 thùng và khoảng 34 thùng rác loại 15 lít bố trí ở các dãy hành lang của từng tầng, hằng ngày bố trí nhân viên đưa lượng rác thải đổ vào thùng thu gom rác ở các khu chức năng. Bố trí 03 thùng thu gom rác có thể tích 120 lít tại các khu vực như góc sân, khu vực bếp.

2.3. Yêu cầu chung đối với các thiết bị, hệ thống, công trình thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển ANNAM có trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường liên quan đến hệ thống xử lý nước thải và các sự cố môi trường khác như sau:

1. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường cấp cơ sở (*sự cố tắc nghẽn, bực đường ống thu gom và xử lý nước thải*), công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*); tổ chức ứng phó sự cố môi trường, thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định pháp luật.

2. Bố trí các thiết bị chắn rác để tránh tắc đường ống thu gom, tiêu thoát nước thải; định kỳ kiểm tra, vệ sinh đường ống thoát nước thải; định kỳ hút bùn của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo không để nước thải chưa xử lý rò rỉ, chảy tràn ra ngoài môi trường.

3. Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải./.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP*), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT*). Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
2. Bố trí kinh phí, nhân lực thực hiện phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Đền bù thiệt hại, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động tại cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành./.